

Bản án số: 88 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7- 2021

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2/ Bà Phạm Thị Kim Thảo

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:147/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm:1987 (Có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: số 3761, ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2.*Bị đơn:* Chị Trà Thị Thu T, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: số 3761, ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, An Giang.
Tạm trú: Tổ 17, ấp Nhơn A, xã Nhơn M, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 22/4/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh A, huyện C, tỉnh An Giang. Do ở quê không có công ăn việc làm nên vợ chồng lên Bình Dương làm công nhân. Cuộc sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm về tiền bạc, vợ tham gia chơi hụi thiếu nợ bên ngoài, anh đưa tiền trả nợ nhưng chị T vẫn bỏ đi chỗ khác làm, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Qua đó anh

có kiếm vợ về ở lại được 01 tháng nhưng từ tháng 11 năm 2020 chị Tiếp tục bỏ đi và anh chị không còn liên lạc được nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trà Thị Thu T.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/9/2008. Hiện cháu H đang sống với anh T. Sau ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu Hưởng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trà Thị Thu T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Trà Thị Thu T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh T. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của chị T tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì chị T hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở số 3761, ấp Vĩnh Q, xã Vĩnh A, huyện C, An Giang, nhưng chị T vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T ly hôn với chị T. Về con chung: Đề nghị giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng, Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trà Thị Thu T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do. Còn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T và chị Trà Thị Thu T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trà Thị Thu T kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh A, huyện C, An Giang Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn anh T trình bày do ở quê không có công ăn việc làm nên vợ chồng lên Bình Dương làm công nhân. Cuộc sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân: do bất đồng quan điểm về tiền bạc, chị T tham gia chơi hụi thiếu nợ bên ngoài, anh đưa tiền trả nợ nhưng chị T vẫn bỏ đi chỗ khác làm, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Qua đó anh có kiếm chị T về ở lại được 01 tháng nhưng từ tháng 11 năm 2020 chị T tiếp tục bỏ đi và hai bên không còn liên lạc được nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trà Thị Thu T. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy mời nhưng chị T cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của anh T. Hiện tại anh T xác định không còn tình cảm với chị T. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T cũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là anh vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của anh T và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/9/2008. Hiện cháu H đang sống với anh T. Sau ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu H từ nhỏ cho đến nay đều sống với anh T, được anh T chăm sóc ổn định. Tại bản tự khai ngày 24/5/2021 cháu H cũng có nguyện vọng sống với anh T. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để anh T được tiếp tục nuôi cháu H là phù hợp, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi chị thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trà Thị Thu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 26/KH, ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/9/2008, Hiện cháu đang sống với anh T. Sau ly hôn anh T được tiếp tục nuôi cháu H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007379 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Trà Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung